TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/DS-PT
Ngày: 23/10/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiệp Hòa

Các Thẩm phán: Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

Ông Nguyễn Phúc

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Ngô Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Vào ngày 23/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2019/TLPT-DS ngày 25/9/2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2019/QĐ-PT ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1982

Bà **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm1985

Địa chỉ: Xóm S, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông **Nguyễn L,** sinh năm 1967

Địa chỉ: thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Do có kháng cáo của: Bị đơn Nguyễn Tấn P.

Tại phiên tòa có mặt: Bà T, ông P, bà A, ông L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Do quen biết với vợ chồng ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Ngọc A từ việc mua bán xăng dầu nên bà có cho vợ chồng ông P bà A vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

+ Lần thứ nhất: Vào năm 2015 (không nhớ ngày tháng) vợ chồng ông P vay số tiền 8.000.000 đồng, không thời hạn, không lấy lãi. Việc vay tiền có làm biên nhận.

+ Lần thứ hai: Vào năm 2016 (không nhớ ngày tháng vợ chồng ông P vay số tiền 50.000.000 đồng, không thời hạn, không lấy lãi. Việc vay tiền có làm biên nhận.

+ Lần thứ ba: Vào ngày 18/9/2017, vợ chồng ông P bà A đến nhà bà tiếp tục vay số tiền 300.000.000 đồng, không lấy lãi. Sau khi nhận đủ tiền, giữa 02 bên làm giấy kết nợ cho tất cả các khoản vay từ năm 2015 đến ngày 18/9/2017 bằng tờ "*Giấy mượn tiền*" ngày 18/9/2017. Tổng số tiền vợ chồng ông P bà A vay của bà là 358.000.000 đồng, ông P bà A có ký xác nhận vào "*Giấy mượn tiền*" ngày 18/9/2017. Thời hạn trả nợ: mỗi tuần vợ chồng ông P bà A phải trả cho bà 5.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ gốc. Thời gian thực hiện nghĩa vụ trả tiền bắt đầu từ tháng 9/2017, sau 01 tuần kể từ khi kết nợ (tức vào ngày 25/9/2017). Sau khi 02 bên làm giấy kết nợ, 02 giấy cho mượn tiền trước đó bà không còn lưu giữ.

Từ khi vay đến nay, vợ chồng ông P bà A không thực hiện đúng cam kết về nghĩa vụ trả tiền. Bà nhiều lần liên hệ yêu cầu vợ chồng ông P bà A trả tiền nhưng vợ chồng ông P bà A không thực hiện. Số tiền bà cho vợ chồng ông P bà A vay là tài sản chung của vợ chồng bà (chồng bà là ông Nguyễn L). Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Tấn P bà Nguyễn Thị Ngọc A trả cho vợ chồng bà số tiền 358.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Giữa vợ chồng ông với bà Nguyễn Thị Minh T là chỗ làm ăn quen biết từ việc mua bán xăng dầu nên vào năm 2017, ông có cầm sổ đỏ (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) đến nhà bà T để nhờ vay giúp số tiền khoảng 50.000.000 đồng để xoay sở việc gia đình. Qua bàn bạc, bà T viết và yêu cầu ông ký vào giấy mượn tiền thì bà T sẽ đi mượn tiền giúp ông. Vì tin tưởng nên ông đồng ý và có ký tên, ghi tên của ông vào giấy mượn tiền giữa ông và bà T. Ông không vay số tiền như lời trình bày của bà T, do vậy ông không đồng ý trả số tiền 358.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Vào năm 2017 (không nhớ rõ ngày tháng) theo yêu cầu của chồng bà là ông P thì bà có đến nhà bà T. Khi đến thì ông P đã có mặt ở đó, bà T yêu cầu bà ký xác nhận vào giấy kết nợ tiền mua bán xăng dầu mà vợ chồng bà còn nợ bà T với số tiền 358.000.000 đồng. Bà không đồng ý ký và bỏ về. Đến năm 2018 (không nhớ rõ ngày tháng) bà đến nhà bà T để nhận số tiền 40.000.000 đồng do anh của ông P nhờ bà T đưa cho vợ chồng bà. Bà T yêu cầu bà phải ký vào giấy mượn tiền mà ông P đã ký trước đó mới đưa số tiền trên cho bà. Khi xem qua giấy mượn tiền, thấy trong

tờ giấy mượn tiền đã có chữ ký ghi tên của ông Nguyễn Tấn P nên bà có ký vào giấy mượn tiền. Nay bà không đồng ý trả số tiền 358.000.000 đồng theo yêu cầu của bà T vì thực tế vợ chồng bà không vay khoản tiền này của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị Minh T. Số tiền 358.000.000 đồng mà bà T cho vợ chồng ông P bà A mượn là tài sản chung của vợ chồng ông cho vay để ông P bà A làm ăn và xây nhà nên đây là nợ chung của vợ chồng ông P bà A. Do vậy ông thống nhất ý kiến của bà T, yêu cầu vợ chồng ông P bà A có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng ông số tiền 358.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 26/7/2019, Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong đã đưa vụ án ra xét xử tại bản án số 13/2019/DS-ST, quyết định:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T đối với vợ chồng ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Ngọc A phải có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn L số tiền 358.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả được xác định bằng 10%/năm nếu không có thỏa thuận mức lãi suất, nếu có thỏa thuận mức lãi suất thì không quá 20%/năm tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 17.900.000 đồng (*Mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025945 ngày 14/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10/8/2019, ông Nguyễn Tấn P kháng cáo yêu cầu Hủy án sơ thẩm để xác minh, thu thập chứng cứ là các chứng từ ghi nợ để làm rõ sự thật có phù hợp với

khoản tiền có số lẻ, không lấy lãi; thu thập chứng từ, hóa đơn xuất bán xăng dầu cho ông để khấu trừ tiền chiết khấu theo thỏa thuận, nếu còn thiếu ông chấp nhận trả đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông P vẫn giữ nguyên kháng cáo và xác định không vay tiền của vợ chồng bà T. Theo ông P, bà T là chủ cây xăng dầu còn ông có xe tải thường mua dầu của bà T. Giữa ông và bà T có thỏa thuận ông không lấy hóa đơn bán hàng thì được bà T trích tiền chiết khấu, đến nay số tiền chiết khấu của ông khoảng 500.000.000 đồng nhưng bà T chưa thanh toán. Số tiền 358.000.000 đồng ghi trong "*Giấy mượn tiền*" ngày 18/9/2017 là khoản nợ tiền dầu mà ông đã tạm ứng bà T. Ông yêu cầu bà T đưa sổ sách mua bán ra tính toán để trừ số tiền 358.000.000 đồng vào tiền chiết khấu của ông, nếu không đủ, ông chấp nhận trả nợ.

Bà Nguyễn Thị Ngọc A thống nhất với ý kiến và yêu cầu của ông P.

Bà T và ông L không chấp nhận kháng cáo của ông P và xác định do có tình cảm thân quen nên trong năm 2015, 2016 và 2017 vợ chồng ông bà đã cho vợ chồng ông P vay 03 lần tiền tổng cộng 358.000.000 đồng, không lấy lãi và không thời hạn. Mỗi lần vay tiền vợ chồng ông P đều lập giấy vay. Đến ngày 18/9/2017, vợ chồng ông P vay 300.000.000 đồng nên hai bên thỏa thuận nhập 02 khoản vay trước đó (50.000.000 đồng và 8.000.000 đồng) vào ghi chung 01 giấy nhận nợ đề ngày 18/9/2017 và hủy bỏ 02 giấy nợ trước. Đến nay vợ chồng ông P chưa trả khoản nào nên yêu cầu phải trả đủ nợ vay cho vợ chồng ông bà. Vợ chồng ông P khai khoản tiền 358.000.000 đồng là nợ tiền dầu và yêu cầu trả tiền chiết khấu là không đúng vì đó là nợ vay và giữa hai bên không có thỏa thuận chiết khấu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định, người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật; Về nội dung, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà T khởi kiện yêu cầu ông P bà A trả nợ vay 358.000.000 đồng và xuất trình "*Giấy mượn tiền*" đề ngày 18/9/2017 có nội dung ông P bà A có mượn 358.000.000 đồng của bà T, có chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Tấn P, Nguyễn Thị Ngọc A để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Tại Tòa án 02 cấp cả ông P và bà A đều thừa nhận chữ ký chữ viết của mình trong tài liệu nêu trên. Riêng ông P còn thừa nhận dòng chữ cuối cùng có nội dung "*Những lời nói trên là đúng sự thật*" là do mình tự viết. Căn cứ lời khai này của 02 bên đương sự, căn cứ nội dung tài liệu do bà T cung cấp thể hiện ông P bà A có mượn tiền của bà T đủ cơ sở xác định ông P bà A đã vay bà T số tiền 358.000.000 đồng tại thời điểm ngày 18/9/2017.

[2] Tại Tòa án 02 cấp, ông P bà A khai khoản nợ trên là nợ tiền mua dầu đã được 02 bên kết sổ, khi ký giấy ngày 18/9/2017 ông bà không đọc nội dung nên mới

ký nay yêu cầu vợ chồng bà T khấu trừ nợ dầu vào tiền chiết khấu mà ông P được hưởng. Bà T và ông L không thừa nhận lời khai của ông P. Vợ chồng ông P cũng không có tài liệu chứng minh khoản nợ trên là nợ tiền mua dầu giữa 02 bên có thỏa thuận chiết khấu. Vì vậy, lời khai của ông P bà A không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ khi vay tiền đến nay, vợ chồng ông P bà A không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đã trả nợ, nên với các chứng cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận khởi kiện của vợ chồng bà T, buộc vợ chồng ông P trả nợ vay cho vợ chồng bà T với số tiền 358.000.000 đồng là đúng pháp luật. Ông P kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 26/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 351, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T đối với vợ chồng ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*":

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Ngọc A phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn L số tiền 358.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả được xác định bằng 10%/năm

nếu không có thỏa thuận mức lãi suất, nếu có thỏa thuận mức lãi suất thì không quá 20%/năm tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

- Vợ chồng ông Nguyễn Tấn P, bà Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp 17.900.000 đồng (*Mười bảy triệu chín trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Minh T số tiền 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025945 ngày 14/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

- Ông Nguyễn Tấn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029587 ngày 06/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong. Ông P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (23/10/2019).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Tuy Phong;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hiệp Hòa